TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2022/HS-ST
Ngày: 12/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân và bà Phan Thị Kim Chi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Chí Dũng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/HSST - QĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ ngày 09/5/2022 đối với các bị cáo:

A T, sinh ngày 21/11/2000 tại: Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Xê đăng, tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A V (Đã chết) và bà Y Đ, có vợ là Y D, có 01 con nhỏ sinh ngày 25/4/2022. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

A P, sinh ngày 05/10/2003 tại: Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Xê đăng, tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 2/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A B và bà Y T. Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Tiền sự: Không; tiền án: Không.

**** Bị hại:***

- Phòng kinh tế hạ tầng, huyện T, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Văn D - Chuyên viên Phòng kinh tế hạ tầng huyện T - Có mặt.

- Công ty TNHH QLSC và XDGT Đ;

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Chí H - Phó giám đốc công ty - Có mặt.

* Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum - Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh A T; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Chị Y Ngọc L; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/11/2020 A T cùng A P đi từ xã T ra xã Đ huyện T chơi, khi đi đến thôn N, xã Đ, A T nhìn thấy các tấm chắn rác dọc trên tuyến đường Quốc lộ 40B thì nảy sinh ý định trộm cắp nên đã rủ A P cùng trộm cắp và được A P đồng ý. A T quay về nhà lấy xà beng, kìm để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp. A T và A P đã thay nhau cạy được 08 tấm chắn rác, chở đi cất dấu. Sau đó cả hai tiếp tục dùng kìm tháo 12 chiếc bu lông D20 và 12 hộp đệm hộ lan mềm nằm trên dãy hộ lan mang cất dấu rồi đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ ngày 19/11/2021 cả hai đi đến nhà chị Y Ngọc L mượn xe độ chế chở tài sản đã trộm cắp trước đó mang về nhà chị Y Ngọc L bán được 2.730.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL - ĐGTS ngày 30/11/2021 của hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Trị giá toàn bộ tài sản các bị cáo đã trộm cắp là 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 01/CT - VKS ngày 06/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A T, A P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo A T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 30 tháng; xử phạt bị cáo A P từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với đề nghị của đại viện VKS về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sư. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1, khoản 2 điều 51 xử phạt bị cáo A T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo A P 09 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo A P.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo A T, A P đã lợi dụng đêm tối, ít người qua lại trên đường để lén lút trộm cắp 08 tấm chắn rác trên đường Quốc lộ 40B, đoạn qua thôn Ngọc Leng, xã Đ, huyện T thuộc quyền quản lý của Phòng kinh tế hạ tầng huyện T và 12 chiếc bu lông D20, 12 hộp đệm hộ lan can mềm trên dãy hộ lan can thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH QLSC và XDGT Đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 5.230.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, áp dụng mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trị giá tài sản trộm cắp không lớn và toàn bộ tài sản trộm cắp đã được thu giữ trả lại cho chủ sở hữu kịp thời; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Quá trình phạm tội các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cũng như thỏa thuận về mức độ ăn chia. Vì vậy, vụ án chỉ có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội từng bị cáo đã gây ra. A T là người chủ động, rủ rê A P tham gia phạm tội; đã trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện gồm xà beng, kìm để thực hiện hành vi phạm tội; là người chủ động, tích cực trong việc cất dấu, tiêu thụ tài sản đã trộm cắp

được. Vì vậy, phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo A P. A P là bị cáo có trình độ học vấn thấp (lớp 2/12) nên đã bị A T rủ rê tham gia phạm tội. Bị cáo A T hiện có con nhỏ (2 tuần tuổi), vợ thường xuyên đau ốm không tham gia lao động sản xuất được, điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Vì vậy, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao cho Phòng kinh tế hạ tầng số tiền 1.000.000đ và công ty TNHH QLSC và XDGT Đăk Bình 400.000đ để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện phòng Kinh tế hạ tầng và Công ty TNHH QLSC và XDGT Đăk Bình đều khẳng định toàn bộ tài sản bị trộm cắp là 08 tấm chắn rác và 12 chiếc bu lông D20, 12 hộp đệm hộ lan can mềm đều đã được thu hồi đầy đủ, kịp thời và không bị hư hỏng, thiệt hại gì. Vì vậy, các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tự nguyện sữa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có chị Y Ngọc L là người đã mua toàn bộ số tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp mà có. Tuy nhiên, chị L hoàn toàn không biết tài sản các bị cáo bán là tài sản do trộm cắp. Vì vậy, không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Y Ngọc L.

Anh A T là chủ sở hữu xe mô tô BKS: 82G1 - 021.43 mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, tuy nhiên bị cáo chỉ mượn xe để đi chơi. Anh T hoàn toàn không biết bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh A T.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại là Phòng kinh tế hạ tầng huyện T và Công ty TNHH QLSC và XDGT Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh A T đã nhận lại xe mô tô; chị Y Ngọc L đã nhận lại xe mô tô và toàn bộ số tiền 2.730.000đ và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Số tiền 1.400.000đ các bị cáo đã tự nguyện giao cho Phòng kinh tế hạ tầng và Công ty TNHH QLSC và XDGT Đ nhưng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01chiếc xà beng, 01 chiếc kìm của bị cáo A T dùng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo A T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo A T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án (12/5/2022).

* Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo A P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo A P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (12/5/2022).

Giao các bị cáo A T, A P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Anh A Thừa và chị Y Ngọc L không yêu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**** Về xử lý vật chứng của vụ án:***

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cái xà beng, 01 chiếc kìm có đặc điểm đúng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T lập ngày 06/4/2022.

**** Về án phí:***

Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1, khoản 3 điều 21; điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo A T, A P.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2022).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện T;
- VKS ND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum;
- CA huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Châu